

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

Bản án số: 01/2026/HC-ST

Ngày 09-02-2026

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính và quyết định giải quyết khiếu
nại trong lĩnh vực thuế.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Trang

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 1 - Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2025/TLST-HC ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc khiếu kiện quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thuế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HC ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Đức V, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số G đường C, khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền ngày 03/11/2025). Có mặt.

- Người bị kiện:

Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số A đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Trưởng Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số A đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn A, Trưởng Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Việt D – Phó trưởng Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định về việc uỷ quyền tham gia tố tụng trong vụ án hành chính số 638/QĐ-TCS5 ngày 18/12/2025 và số 50/QĐ-TCS5 ngày 26/01/2026), vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị H1 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Ngọc H2 – Chuyên viên Chi nhánh Văn phòng Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các bản tự khai, người khởi kiện ông Lê Đức V và người đại diện theo uỷ quyền bà Lương Thị H trình bày:

Sau khi gia đình ông Lê Đức V nhận chuyển nhượng đất với ông Hoàng Minh S đối với thửa đất số 60 tờ bản đồ số 19 diện tích 201,7m²; loại đất HNK, tại Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay được gọi là số 223 đường N, khu V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn), ông Lê Đức V đã làm nhà tạm để gia đình sinh sống đồng thời là địa điểm hoạt động kinh doanh cơ khí (nhôm, kính). Năm 2006, ông Lê Đức V xây nhà trên toàn bộ diện tích thửa 60. Năm 2009, ông Lê Đức V đi kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, đồng thời cũng xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với diện tích 100m² đất HNK sang đất ở (ODT), diện tích đất còn lại 101,7m² vẫn giữ nguyên. Ngày 25/8/2009, ông Lê Đức V được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AH068629, số vào sổ: H 00948, tại trang 3 thể hiện nội dung: "*Cho phép ghi nợ tiền sử dụng đất ODT 100m²*". Năm 2017, ông Lê Đức V đi kê khai nộp số tiền sử dụng đất còn nợ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai của huyện C nhưng sau đó không nhận được bất kỳ một văn bản hay thông tin gì từ phía cơ quan thuế về số tiền thuế phải nộp để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Tháng 11/2024, ông Lê Đức V đến Đội thuế Đ để nộp tiền thuế kinh doanh hàng tháng của gia đình thì mới được biết đến Thông báo tiền nợ thuế số 1875/TB-CCT, ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C (viết tắt là Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024). Ông Lê Đức V có đến cơ quan thuế làm việc thì được cán bộ Chi cục Thuế đưa cho 01 Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 2121/TB-CCT, ngày 08/8/2017 của Chi cục Thuế huyện C (viết tắt là Thông báo số 2121/TB-CCT, ngày 08/8/2017). Tại Thông báo yêu cầu ông Lê Đức V phải nộp số tiền sử dụng đất là 694.600.000 đồng; số tiền chậm nộp phát sinh là 525.013.410 đồng. Ông Lê Đức V đã có ý kiến với cán bộ đối với số tiền chậm nộp thì được cán bộ Thuế trả lời "*gửi không đến, thông tin người sử dụng đất ghi không chính xác*". Ngay sau khi kết thúc buổi làm việc, ngày 09/01/2025, ông Lê Đức V đã đến Ngân

hàng nộp số tiền 694.600.000 đồng theo Thông báo trên về số tiền sử dụng đất. Đối với số tiền chậm nộp thể hiện trong Thông báo, ông Lê Đức V không đồng ý nên đã làm đơn khiếu nại lên Chi cục Thuế huyện C. Ngày 24/01/2025, Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCT, về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu) với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Đức V (viết tắt là Quyết định số 16/QĐ-CCT ngày 24/01/2025). Không đồng ý với Quyết định trên, ông Lê Đức V đã khởi kiện tại Tòa án.

Về lý do Thuế cơ sở A cho rằng đã giao thông báo theo đường bưu điện nhưng không đến, ông cho rằng: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2024, gia đình ông Lê Đức V vẫn sinh sống và kinh doanh hàng cơ khí trên thửa đất 60 địa chỉ tại khu V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Hàng tháng, ông Lê Đức V vẫn đến Trạm thuế Đ thực hiện nghĩa vụ thuế kinh doanh theo quy định như: Nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017; thuế lệ phí môn bài năm 2018 của Chi cục Thuế huyện C... Ngoài ra, ông Lê Đức V còn nhận được Thông báo nộp thuế số 361/TB-CCT ngày 09/4/2019 của Chi cục Thuế huyện C.

Việc Chi cục Thuế huyện C ban hành Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 là không có cơ sở, xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông Lê Đức V, trái với quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Chi cục Thuế chỉ xác định gửi các Thông báo cho người nộp thuế theo đường bưu điện, nhưng không cung cấp được chứng cứ bưu điện đã chuyển thành công đến ông Lê Đức V hay không. Như vậy căn cứ để cho rằng ông Lê Đức V có chậm nộp tiền sử dụng đất hay không và xác định số ngày nộp chậm (nếu có) là không đảm bảo. Tại điểm b, khoản 2 Điều 20 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp việc chậm nộp tiền sử dụng đất không có nguyên nhân chủ quan từ hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân không phải nộp số tiền tương đương tiền chậm nộp tiền sử dụng đất*”.

Nay, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án: Hủy một phần Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C (nay là Thuế cơ sở A), tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền chậm nộp 525.013.410 (năm trăm hai mươi năm triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm mười) đồng. Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 16/QĐ-CCT Ngày 24/01/2025 của Thuế cơ sở A về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu) với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Đức V.

Tại Bản tự khai số 379/TCS5-NVDTPC ngày 03/11/2025; Công văn số 570/TCS5-NVDTPC ngày 19/12/2025, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Thuế cơ sở A và Trưởng Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn trình bày:

Ngày 08/8/2017, Chi cục Thuế huyện C (nay là Thuế cơ sở A) nhận được phiếu chuyển thông tin số 761/PCTTĐC-CNVPĐKĐĐ ngày 07/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ nên Bộ phận Trước bạ - thu khác

thuộc Chi cục Thuế huyện C đã thực hiện xử lý hồ sơ và ban hành Thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017 do ông Lê Đức V có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019; khoản 4 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đồng thời, cơ quan Thuế đã gửi Thông báo trên cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ có ký nhận trong sổ bàn giao và gửi qua đường bưu điện cho ông Lê Đức V.

Tuy nhiên tính đến ngày 31/8/2024, ông Lê Đức V chưa nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo trên. Ngày 18/9/2024, Chi cục Thuế huyện C đã ban hành Thông báo số 1875/TB-CCT về việc Thông báo tiền thuế nợ đối với ông Lê Đức V, trong đó tổng số tiền thuế nợ chưa nộp ngân sách nhà nước là 1.219.613.410 đồng (cụ thể: Số tiền sử dụng đất là 694.600.000 đồng; số tiền chậm nộp phát sinh là 525.013.410 đồng) theo khoản 1 Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Căn cứ để xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 59 Luật quản lý Thuế số 38/2019/QH14; khoản 1 Điều 21 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó, mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp, thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền nợ thuế, tiền thu hồi hoàn thuế, tiền thuế tăng thêm, tiền thuế ấn định, tiền thuế chậm chuyển đã nộp vào ngân sách nhà nước.

Chi cục Thuế huyện C đã gửi Thông báo số 1875/TB-CCT qua đường bưu điện bằng hình thức gửi bảo đảm, nội dung phiếu chuyển thông tin do bên Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/06/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Trách nhiệm của cơ quan thuế quy định việc gửi thông báo đến người sử dụng đất như sau: *"Trường hợp Thông báo bằng đường bưu điện theo địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người sử dụng đất đã ghi trong Phiếu chuyển thông tin phải gửi theo hình thức "gửi bảo đảm"*. Ngoài ra, còn đơn đốc bằng hình thức gọi điện thoại theo số thể hiện trên Phiếu chuyển thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ tuy nhiên không liên lạc được do số điện thoại không có thực.

Hàng tháng, Chi cục Thuế huyện C vẫn ban hành các Thông báo đơn đốc nợ gửi cho ông Lê Đức V qua đường bưu điện bằng hình thức gửi bảo đảm, gồm: Thông báo số 1294/TB-CCT ngày 11/9/2023; Thông báo số 1396/TB-CCT ngày 10/10/2023; Thông báo số 1480/TB-CCT ngày 09/11/2023; Thông báo số 1578/TB-CCT ngày 15/12/2023; Thông báo số 60/TB-CCT ngày 12/01/2024; Thông báo số 221/TB-CCT ngày 07/02/2024; Thông báo số 492/TB-CCT ngày 14/3/2024; Thông báo số 724/TB-CCT ngày 12/4/2024; Thông báo số 1176/TB-CCT ngày 11/6/2024; Thông báo số 1391/TB-CCT ngày 10/7/2024; Thông báo số 1630/TB-CCT ngày 12/8/2024; Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024;

Trong số các Thông báo gửi đi cho ông Lê Đức V chỉ có 02 thông báo

được Bưu điện hoàn trả do không tìm thấy người nhận: Thông báo số 967/TB-CCT ngày 13/5/2024 (thông báo được Bưu điện chuyển hoàn) và Thông báo số 2218/TB-CCT ngày 18/11/2024 (thông báo được Bưu điện chuyển hoàn).

Ngày 18/12/2024, ông Lê Đức V có đơn khiếu nại về việc Chi cục Thuế huyện C đã không gửi Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 cho ông nên không có căn cứ để yêu cầu ông Lê Đức V nộp số tiền chậm nộp. Sau khi xác minh, Chi cục Thuế huyện C đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCT, ngày 24/01/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu) với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Đức V. Việc ban hành Quyết định trên là đúng trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý theo quy định của Luật Khiếu nại, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngày 09/01/2025, ông Lê Đức V đã đến Ngân hàng nộp tiền sử dụng đất là 694.600.000 đồng theo Thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017 của Chi cục Thuế huyện C và được thể hiện tại ứng dụng quản lý thuế tập trung. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức V, phía người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông Lê Đức V phải tiếp tục nộp số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Tại Công văn số 2203/CV-CNVPĐKKĐĐ ngày 31/12/2025, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đ trình bày:

Năm 2009, ông Lê Đức V đến kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 60, tờ bản đồ số 19 diện tích 201,7m² và xin chuyển mục đích sử dụng một phần diện tích đất đối với thửa đất 60 từ đất HNK sang đất ở. Căn cứ Điều 19 Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 20/4/2006 của UBND tỉnh L thì trình tự, thủ tục lập, xét duyệt hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp trên phải xin phép và thời điểm đó do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C thực hiện. Ngày 25/8/2009, ông Lê Đức V được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AH068629 số vào sổ: H 00948 đối với thửa đất trên, trong đó cho phép ghi nợ tiền sử dụng đất ODT 100m². Năm 2017, ông Lê Đức V đến kê khai nộp tiền sử dụng đất còn nợ. Ngày 07/8/2017 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thực hiện phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 761/PCTTĐC-CNVPĐKKĐĐ gửi cho Chi cục Thuế huyện C. Ngày 08/8/2017, Chi cục Thuế huyện C ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 2121/TB-CCT đối với thửa đất của ông Lê Đức V, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ có nhận được thông báo trên. Đối với Thông báo tiền thuế nợ số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kiểm tra hồ sơ lưu trữ Chi nhánh không tìm thấy thông báo này được lưu tại Chi nhánh. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức V, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng đối thoại không thành do người khởi kiện, người bị kiện đều giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đưa vụ án ra xét xử công khai để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, bà Lương Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và trình bày bổ sung: Trong quá trình tố tụng, người bị kiện không đưa ra được bất cứ tài liệu, căn cứ chứng minh đã giao các Thông báo hợp lệ cho người khởi kiện, Ngoài ra, tài liệu do Tòa án xác minh tại bưu điện khu vực C, không thể hiện việc còn giữ tài liệu chứng minh giao nhận, mặt khác, Thuế cơ sở A cũng không tự chứng minh, không lưu giữ tài liệu chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức V.

Công bố lời khai của người bị kiện: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Công văn, Bản tự khai nộp cho Tòa án. Người bị kiện khẳng định việc ban hành các Thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017, Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024, Quyết định số 16/QĐ-CCT, ngày 24/01/2025 là đúng trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý. Theo đó, người bị kiện đã thực hiện gửi các Thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017, Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 cho ông Lê Đức V qua đường bưu điện bằng hình thức gửi bảo đảm, là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức V, phía người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông Lê Đức V phải tiếp tục nộp số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập chứng cứ, tổ chức kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện đúng quy định; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về phổ biến nội quy phiên tòa, ghi chép biên bản phiên tòa; các đương sự chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; việc khởi kiện của người khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện theo quy định.

Về tính hợp pháp của quyết định hành chính: Các văn bản hành chính của Chi cục Thuế huyện C được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định và thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thuế cơ sở A cho rằng đối với thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017 và Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C (nay là Thuế cơ sở A tỉnh Lạng Sơn) đã được chuyển **bảo đảm** theo quy định đến ông Lê Đức V. Tuy nhiên Thuế cơ sở A không cung cấp được tài liệu chứng minh về việc gửi bảo đảm theo quy định. Tòa án nhân dân khu vực 1 đã tiến hành xác minh tại bưu điện C xác định không có tài liệu chứng minh việc giao nhận, không còn tài liệu chứng minh đã giao nhận hoặc liên quan đến các thông báo của Chi cục Thuế huyện C. Về phía ông Lê Đức V thể hiện ông không nhận được thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017 của Chi cục Thuế huyện C và Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C. Như vậy Chi cục Thuế nay là Thuế cơ sở A thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 88/2016/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong việc **Thông báo đến người sử dụng đất bằng hình thức “gửi bảo đảm”**.

Ngày 18/12/2024, ông Lê Đức V có đơn khiếu nại về việc không nhận được các Thông báo số 2121/TB-CCT và số 1875/TB-CCT của Chi cục Thuế huyện C. Sau khi xác minh nội dung khiếu nại, Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu) không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Đức V. Tại kết quả xác minh nội dung khiếu nại, Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C đã khẳng định không có cơ sở để xác định ông Lê Đức V có nhận được Thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017 hay không và Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C căn cứ vào 13 Thông báo khác đã được gửi nhưng bưu điện không chuyển hoàn. Tuy nhiên Thuế cơ sở A không đưa ra được căn cứ chứng minh đã gửi chuyển các thông báo đó đến cho ông Lê Đức V hay không. Việc thông báo cho người dân về số tiền sử dụng đất của Chi cục Thuế huyện C là không đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do đó, nội dung giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C không đảm bảo quyền lợi của ông Lê Đức V.

Yêu cầu hủy một phần Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C đối với nội dung số tiền chậm nộp 525.013.410 đồng (năm trăm hai mươi năm triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm mười đồng), hủy Quyết định số 16/QĐ-CCT của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu) là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức V. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Lê Đức V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, người bị kiện phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành

chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc vắng mặt những người tham gia tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự có mặt tại phiên tòa nhất trí và đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ vào Điều 157; Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Ông Lê Đức V khởi kiện yêu cầu hủy một phần Thông báo tiền thuế nợ số 1875/TB-CCT của Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn được ban hành ngày 18/9/2024; Quyết định số 16/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu) của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn vì cho rằng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Lê Đức V. Xét thấy, đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 3 Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Thông báo tiền thuế nợ số 1875/TB-CCT của Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn được ban hành ngày 18/9/2024; Quyết định số 16/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu) của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn được ban hành ngày 24/01/2025. Ngày 06/10/2025, ông Lê Đức V khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện trên là trong thời hạn 01 năm kể từ ngày biết quyền lợi ích của mình bị xâm phạm. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết là đảm bảo thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[4] Về việc xác định người tham gia tố tụng: Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-CT ngày 05/3/2025 của Cục trưởng Cục Thuế quy định tên gọi, trụ sở, địa bàn quản lý tên gọi, trụ sở, địa bàn quản lý của các Đội Thuế cấp huyện thuộc Chi cục Thuế khu vực thì Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn nay được

gọi là Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn; Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn nay được gọi là Trưởng Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, tư cách tham gia tố tụng của người bị kiện trong vụ án này là Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn và Trưởng Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Về việc xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6] Về hình thức của quyết định hành chính bị khiếu kiện: Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024; Quyết định số 16/QĐ-CCT ngày 24/01/2025 được ban hành đúng thể thức văn bản, đầy đủ nội dung về căn cứ ban hành quyết định, nội dung quyết định, quyền, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan trong việc thi hành quyết định.

[7] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ; Quyết định số 16/QĐ-CCT ngày 24/01/2025 được ban hành đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011, khoản 1 Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

[8] Về căn cứ, trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành các quyết định hành chính: Căn cứ Phiếu chuyển thông tin số 761/PCTTĐC-CNVPĐKĐĐ ngày 07/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ chuyển đến, Bộ phận Trước bạ - thu khác thuộc Chi cục Thuế huyện C đã thực hiện ban hành Thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017 về việc thông báo cho ông Lê Đức V nộp tiền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2, Điều 5; khoản 1 Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do không thấy ông Lê Đức V nộp tiền sử dụng đất đúng theo thời hạn quy định nên ngày 18/9/2024, Thuế cơ sở A đã ban hành Thông báo tiền thuế nợ số 1875/TB-CCT là đúng trình tự, thủ tục theo điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội; khoản 4 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Lê Đức V, Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCT ngày 24/01/2025 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 8 Điều 2, Điều 19, Điều 29, Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[9] Về nội dung các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[10] Đối với Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024: Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Hoàng Minh S, người khởi kiện ông Lê Đức V đã đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 60 và làm đơn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất HNK sang đất ở đối với một phần diện tích 100m² thuộc thửa đất số 60. Ngày 25/8/2009, ông Lê Đức V được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AH068629 số vào sổ: H 00948, tại trang GCN có nội dung: "*Cho phép ghi nợ tiền sử dụng đất ODT 100m²*". Năm 2017, ông Lê Đức V lên nộp Tờ khai tiền sử

dụng đất. Sau khi xem xét hồ sơ đã đủ điều kiện, ngày 07/8/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) thực hiện Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 761/PCTTĐC-CNVNĐKĐĐ cho Chi cục Thuế huyện C. Ngày 08/8/2017, Chi cục Thuế huyện C ban hành Thông báo số 2121/TB-CCT về số tiền sử dụng đất là 694.600.000 đồng. Do không thấy người khởi kiện thực hiện nghĩa vụ của mình, nên ngày 18/9/2024, Chi cục Thuế huyện C tiếp tục ban hành Thông báo số 1875/TB-CCT thông báo thêm nội dung về số tiền chậm nộp phát sinh là 525.013.410 đồng.

[11] Đối với số tiền sử dụng đất là 694.600.000 đồng, người khởi kiện ông Lê Đức V nhất trí và không có ý kiến gì đối với số tiền trên nên ngày 09/01/2025, ông Lê Đức V đã đến Phòng G1, Ngân hàng TMCP Đ1 (B), chi nhánh L nộp số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với số tiền chậm nộp phát sinh là 525.013.410 đồng theo Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024, số tiền chậm nộp được chi cục Thuế huyện C tính đến ngày 31/8/2024, người khởi kiện cho rằng kể từ năm 2017 đến cuối năm 2024, ông Lê Đức V không nhận được bất kỳ một văn bản hay thông tin gì từ phía cơ quan thuế về số tiền thuế phải nộp để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Đến tháng 11/2024, khi đến Đội thuế Đ để nộp tiền thuế kinh doanh hàng tháng của gia đình thì mới được biết đến các Thông báo trên.

[13] Xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về trình tự xác định, thu nộp tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân: "*...Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan thuế xác định số tiền sử dụng đất, ra thông báo nộp tiền sử dụng đất và gửi cho hộ gia đình, cá nhân*"; khoản 3 Điều 17 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về trách nhiệm của các cơ quan và người sử dụng đất trong việc xác định và tổ chức thu tiền sử dụng đất: "*...3. Cơ quan thuế: a. Xác định số tiền sử dụng đất phải nộp, số tiền sử dụng đất được miễn hoặc giảm theo quy định của Nghị định này và thông báo cho người sử dụng đất đúng thời hạn... 5. Người sử dụng đất: b. Nộp tiền sử dụng đất theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế...*"; khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: "*3. Xác định và ban hành Thông báo về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất ... mỗi loại thông báo lập thành (04) bản để gửi: 01 bản cho người sử dụng đất, 01 bản cho Văn phòng đăng ký đất đai...; 4. Quy định việc gửi Thông báo đến người sử dụng đất như sau: ... Trong thời hạn không quá hai ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, cơ quan thuế phải thực hiện chuyển Thông báo đến người sử dụng đất. Trường hợp chuyển Thông báo bằng đường bưu điện theo địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người sử dụng đất đã ghi trong Phiếu chuyển thông tin thì phải gửi theo hình thức gửi “bảo đảm”.*

[14] Như vậy, ông Lê Đức V thuộc trường hợp phải được Chi cục Thuế huyện C gửi Thông báo để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất còn nợ với

Nhà nước. Trường hợp gửi qua đường bưu điện thì phải gửi theo hình thức gửi bảo đảm. Thuế cơ sở A cho rằng Chi cục Thuế huyện C đã tiến hành gửi bảo đảm các Thông báo số 2121/TB-CCT; Thông báo số 1875/TB-CCT cho ông Lê Đức V theo đúng quy định ngoài ra còn gửi thêm 13 Thông báo khác. Trong số các Thông báo đã gửi, bưu điện chỉ chuyển hoàn 02 Thông báo không gửi được là Thông báo số 967/TB-CCT ngày 13/5/2024 và Thông báo số 2218/TB-CCT ngày 18/11/2024. Đồng thời cung cấp 02 bì thư gửi ngày 23/11/2024; 28/5/2024 chuyển hoàn (bản photo, bút lục 97,98). Thấy rằng, 02 bì thư mà Thuế cơ sở A cung cấp không có số ký hiệu văn bản gửi đi, không có thông tin của người nhận nên không thể xác định được việc có gửi các Thông báo trên cho người khởi kiện hay không. Các Thông báo được gửi bảo đảm cũng không cung cấp được mã vận đơn của Bưu điện để xác định chính xác quá trình vận chuyển các văn bản trên có đến tay người có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất hay không. Tòa án đã tiến hành xác minh tại bưu điện C tại văn bản phúc đáp đã khẳng định không có, không còn tài liệu nào chứng minh việc giao nhận hoặc liên quan đến các thông báo của Chi cục Thuế huyện C; điều này lẽ ra, nghĩa vụ chứng minh và lưu giữ tài liệu để chứng minh là Thuế cơ sở A thì Thuế cơ sở A không lưu giữ, không chứng minh được. Ngoài tài liệu chứng cứ trên, Thuế cơ sở A cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao nhận trực tiếp các văn bản trên cho ông Lê Đức V.

[15] Mặt khác, tại Công văn số 121/CAX ngày 09/01/2026 của Công an xã Đ, tỉnh Lạng Sơn xác định ông Lê Đức V có nơi tạm trú tại số B đường N, thôn V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; đang sinh sống và làm việc tại địa phương ổn định nhiều năm nay. Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến nay, ông Lê Đức V vẫn sinh sống và làm việc tại thôn V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Điều này cũng phù hợp với việc hàng tháng, gia đình ông Lê Đức V vẫn đến Trạm thuế Đ thực hiện nghĩa vụ thuế kinh doanh hàng cơ khí, nghĩa vụ nộp thuế đất hàng tháng theo quy định như: Nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017, 218 (bút lục 36, 38); nộp lệ phí môn bài năm 2018 (bút lục 37)...

[16] Thấy rằng, việc gửi Thông báo về nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất là trách nhiệm của Chi cục Thuế huyện C, ông Lê Đức V phải được biết về nội dung của các Thông báo trên bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người khởi kiện. Chi cục Thuế huyện C chỉ gửi văn bản qua đường bưu điện mà không có cơ sở để khẳng định là ông Lê Đức V có nhận được văn bản hay không, trên cơ sở đó buộc ông Lê Đức V phải nộp số tiền chậm nộp là vi phạm quy định khoản 1 Điều 16, khoản 3 Điều 18 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội; khoản 2 Điều 14, điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với ông Lê Đức V là đã thực hiện đúng trách nhiệm của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kê khai hồ sơ, nộp các giấy

tờ cho cơ quan tiếp nhận. Việc chậm nộp tiền sử dụng đất của người khởi kiện xuất phát từ việc không nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan Thuế, không phải do nguyên nhân chủ quan của cá nhân nên ông Lê Đức V không phải nộp số tiền chậm nộp là có căn cứ. Như việc, người khởi kiện yêu cầu hủy một phần Thông báo tiền thuế nợ số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền chậm nộp là có căn cứ.

[17] Tháng 11/2024, ông Lê Đức V biết được số tiền sử dụng đất mà gia đình ông phải nộp theo Thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017 là 694.600.000 đồng, ngày 09/01/2025, ông Lê Đức V đã đến Phòng G1, Ngân hàng TMCP Đ1 (B), chi nhánh L nộp số tiền trên. Như vậy là đảm bảo về thời hạn nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[18] Đối với Quyết định số 16/QĐ-CCT ngày 24/01/2025: Ngày 18/12/2024, ông Lê Đức V có đơn khiếu nại về việc không nhận được các Thông báo số 2121/TB-CCT và số 1875/TB-CCT của Chi cục Thuế huyện C. Sau khi xác minh nội dung khiếu nại, Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C đã căn cứ khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 18 Luật Quản lý thuế năm 2019; khoản 4 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Đức V. Xét thấy, tại kết quả xác minh nội dung khiếu nại, Chi cục Thuế huyện C đã khẳng định không có cơ sở để xác định ông Lê Đức V có nhận được Thông báo số 2121/TB-CCT ngày 08/8/2017 hay không và chỉ căn cứ vào 13 Thông báo khác đã được gửi nhưng bưu điện không chuyển hoàn. Như đã phân tích ở trên, việc Thông báo cho người dân về số tiền sử dụng đất của Chi cục Thuế huyện C là không đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do đó, nội dung giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C là không đảm bảo quyền lợi của người dân. Vì vậy, cần chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Lê Đức V về việc hủy Quyết định số 16/QĐ-CCT ngày 24/01/2025.

[19] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức V, hủy một phần Thông báo tiền thuế nợ số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C (nay là Thuế cơ sở A), tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền chậm nộp; hủy Quyết định số 16/QĐ-CCT, ngày 24/01/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu) của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C (nay là Trưởng Thuế cơ sở A), tỉnh Lạng Sơn.

[20] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[21] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức V được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên người bị kiện Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và Trưởng Thuế cơ sở A phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ

sung năm 2025; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[22] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 31, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 206, Điều 29, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 3 Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 16, khoản 3 Điều 18 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội; khoản 8 Điều 2, Điều 19, Điều 29, Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ khoản 2, Điều 5; khoản 2, khoản 4 Điều 14; khoản 1 Điều 16; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức V, xử:

- Hủy một phần Thông báo số 1875/TB-CCT ngày 18/9/2024 của Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn) đối với số tiền chậm nộp 525.013.410 (năm trăm hai mươi năm triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm mười) đồng.

- Hủy Quyết định số 16/QĐ-CCT ngày 24/01/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện C (nay là Trưởng Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn) về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức V (lần đầu).

2. Về án phí: Người bị kiện Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm; người bị kiện Trưởng Thuế cơ sở A, tỉnh Lạng Sơn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho người khởi kiện ông Lê Đức V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 518, ngày 15/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảy